

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HSST
Ngày: 27-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Phú

Bà Nguyễn Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Trí- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 240/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn N, sinh năm 1982 tại: Hà Tĩnh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: tổ dân phố 4, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1962 (đã chết), con bà Dương Thị C, sinh năm 1960; có vợ là Hoàng Thị M, sinh năm 1984. Có 02 người con lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Bị hại: chị Ka L, sinh năm: 1988; nơi cư trú: thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N là nhân viên bảo trì của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất hàng tiêu dùng B - Chi nhánh Tây Nguyên. Ngày 23-7-2020 N cùng Hoàng Văn H từ

tỉnh Đắk Lắk đến thành phố Đ làm việc rồi thuê phòng 502 tại khách sạn Hoài Anh trên đường Nguyễn Văn Cừ, phường 1, Thành phố Đ. Khoảng 18 giờ 30 ngày 24-7-2020, H ra ngoài đi chơi với bạn, còn N ở lại phòng khách sạn đến 21 giờ 10 cùng ngày, N đi ra hành lang của khách sạn để dò sóng wifi, N đứng trước cửa phòng 501 gác tay lên tay nắm cửa thì cửa phòng mở ra. Thấy vậy, N đóng cửa phòng 501 lại rồi đi về phòng 502 nằm. Đến khoảng 21 giờ 30 cùng ngày, N nảy sinh ý định sang phòng 501 tìm tài sản để trộm cắp, N đi sang phòng 501 mở cửa vào phòng quan sát thấy không có ai nên bắt đầu tìm tài sản để trộm cắp, N thấy một chiếc chìa khóa nằm trong túi nylon treo ở tủ gỗ, nghĩ đây là chìa khóa tủ nên N mở thử và mở được cửa tủ thì thấy trong tủ có một máy vi tính xách tay hiệu Asus E406S màu trắng nên N lấy chiếc máy vi tính này đem về phòng của mình cất giấu. Đến khoảng 21 giờ 45 cùng ngày, sợ bị phát hiện nên N giấu chiếc máy vi tính xách tay vào trong người rồi đi ra đường 3/2, phường 1, Đ giấu tại bể đồng hồ nước trước cửa hàng Bitis sau đó quay lại khách sạn ngủ. Sáng ngày 25-7-2020 N mượn xe máy của cửa hàng Bitis rồi mang chiếc máy vi tính xách tay này đến một tiệm cầm đồ hỏi giá để bán nhưng thấy giá rẻ nên N không bán mà đem giấu vào vách đá ở đường Nguyễn Trãi, phường 9, Đ. Khi quay về khách sạn, nghe nhân viên thông báo cơ quan Công an đến mời Nhân lên trụ sở để làm việc nên N đã đến Công an phường 1, thành phố Đ và khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tang vật thu giữ: 01 máy vi tính xách tay hiệu Asus E406S, màu trắng.

Tại bản Cáo trạng số 225/Ctr-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố Nguyễn Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2017*)

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận diễn biến vụ việc đúng như bản Cáo trạng và không thắc mắc, khiếu nại gì nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (*Được sửa đổi bổ sung năm 2017*). Xử phạt Nguyễn Văn N từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Về vật chứng của vụ án, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng: Nguyễn Văn N nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, mong Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh

tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại chị Ka L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ka L theo thủ tục chung.

[3] Bị cáo Nguyễn Văn N là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức rõ tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận: Khoảng 21 giờ 30 ngày 24-7-2020 tại khách sạn Hoài Anh trên đường Nguyễn Văn Cừ, phường 1, Thành phố Đ, lợi dụng phòng 501 của khách sạn không khóa, bị cáo đã có hành vi mở cửa phòng để lấy trộm một máy vi tính xách tay hiệu Asus E406S màu trắng thuộc quyền sở hữu của người thuê khách sạn là chị Ka L. Theo Kết luận định giá tài sản số 162/KLĐG ngày 29-7-2020 của Hội đồng định giá (BL 25) xác định máy vi tính xách tay hiệu Asus E406S có giá trị 2.700.000 đồng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đồng ý và không thắc mắc gì về kết luận định giá. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nội dung bản Cáo Trạng; lời khai của người bị hại; vật chứng thu thập được, do đó với hành vi lợi dụng sở hữu của người khác bị cáo thực hiện hành vi lấy tài sản với 2.700.000 đồng trên đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

[4] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt thể hiện qua việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

[5] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tính chất mức độ phạm tội của bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã

hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản trái phép của người khác bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì tư lợi mà bị cáo cố ý thực hiện. Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng: quá trình điều tra đã thu giữ 01 máy vi tính xách tay hiệu Asus E406S, màu trắng mà bị cáo chiếm đoạt được của chị Ka L. Do vật chứng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên trong giai đoạn điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đ đã trả lại cho chủ sở hữu chị Ka L là đúng quy định nên không đề cập.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Ka L đã được bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 2.500.000 đồng, đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm nên không xem xét.

[8] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2017*) có quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai tại phiên tòa thấy rằng tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường cho bị hại thêm số tiền 2.500.000 đồng. Bên cạnh đó bị cáo còn khó khăn về kinh tế do là lao động chính, phải nuôi mẹ già cùng 02 con nhỏ nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội phạm và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (Sáu) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án (27-01-2021)

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo; bị hại; có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Công an thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Công Hoàn

